TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 83/2023/QĐST-HNGĐ	*Trà Cú, ngày 19 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Kim T, sinh ngày 04/10/1997
Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
Bị đơn: Chị Diệp Thị L, sinh ngày 17/01/1994
Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Kim T và chị Diệp Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Kim T và chị Diệp Thị L thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Kim T và chị Diệp Thị L xác định vợ chồng có hai người chung tên Kim Thanh P, sinh ngày 01/01/2020 và Kim Thị Thanh T1, sinh ngày 20/9/2021. Anh T thống nhất giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Kim T và chị Diệp Thị L mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T tự nguyện chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thay cho chị L nên được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0015252, ngày 12/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả lại cho anh T tiền tạm ứng án phí còn thừa bằng 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0015252, ngày 12/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Sơn Thị Sô Tha